

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2021/HS-ST
Ngày 30-7-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tân và bà Nguyễn Thị Tiến

Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Quang Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Đình T, sinh năm 1982 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Số 07/134 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Trãi, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình Ngọc (đã chết) và bà Đình Thị Q; có vợ là Nguyễn Thị Lan Ph và 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến ngày 18/4/2021 chuyển tạm giam tại trại tạm giam - Công an tỉnh H đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người tham gia tố tụng khác:

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu 19 phường Ngọc Châu, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu 4, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 102/CT-VKSNDTPHD ngày 08/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Đình T về tội “Tàng trữ

trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự với căn cứ:

Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 15/4/2021, tại khu vực ngã tư đường T giao cắt với đường Đ thuộc phường P, thành phố H. Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an thành phố H trong quá trình làm nhiệm vụ, phát hiện bắt quả tang Phạm Đình T có hành vi cất giấu trái phép 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước khoảng (1,5x1,5)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng - T tự khai là ma túy đá cất giấu nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Đình T khai nhận: Do bản thân có sử dụng ma túy đá từ đầu năm 2021, nên vào khoảng 20 giờ 45 phút ngày 15/4/2021, Phạm Đình T đi nhờ người bạn mới quen tên H (không rõ lai lịch) đến khu vực ngã tư đường T giao cắt với đường Đ thì T xuống xe đi bộ vào một ngõ đến nay không nhớ, gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 01 túi ma túy đá với giá 300.000 đồng. Sau khi mua ma túy, T cầm trên tay trái đi tìm nơi sử dụng, khi từ ngõ ra đến khu vực ngã tư thì bị công an phát hiện, do sợ nên T đã thả túi ma túy xuống đất vị trí chân nơi đang đứng. Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng là túi ma túy, đồng thời bắt giữ T trước sự chứng kiến của anh Nguyễn Việt H ở khu 19 phường Ngọc Châu, thành phố H, tỉnh Hải Dương và anh Nguyễn Văn M, ở khu 4, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại kết luận giám định số 212/KLGD-PC09 ngày 18/4/2021 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng niêm phong trong phong bì ghi thu của Phạm Đình T, gửi đến giám định khối lượng là 0,249 gam là ma túy, loại Methamphetamine. Hoàn trả 0,201 gam Methamphetamine và một vỏ túi nilon màu trắng.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đình T thừa nhận vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 15/4/2021, tại khu vực ngã tư đường T giao cắt với đường Đ thuộc phường P, thành phố H; T đã bị cơ quan điều tra công an thành phố H bắt giữ do thực hiện hành vi cất giấu trái phép 01 (một) túi Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân. Bị cáo nhất trí với kết luận giám định; xác định túi ma túy bị cơ quan điều tra thu giữ là của bị cáo; thể hiện thái độ ăn năn hối cải; công nhận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đình T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Đình T từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 15/4/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 0,201 gam Methamphetamine và một vỏ túi nilon màu trắng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí luận tội không tham gia tranh luận, trình bày lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định bị cáo Phạm Đình T có tội và áp dụng pháp luật:

Tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đình T thừa nhận vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 15/4/2021, tại khu vực ngã tư đường T giao cắt với đường Đ thuộc phường P, thành phố H. Đã cố ý thực hiện hành vi cất giấu trái phép 01 (một) túi Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị cơ quan công an phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản niêm phong, mở niêm phong vật chứng bị tạm giữ. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên phù hợp với các chứng cứ khác như: Bản tự khai của bị cáo, biên bản lấy lời khai bị cáo, biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai của người làm chứng đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi cất giấu trái phép chất ma túy với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Hành vi “Tàng trữ trái phép ma túy” là loại Methamphetamine có khối lượng 0,249 gam nên bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố và bị đưa ra xét xử về tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là đủ căn cứ, đúng người thực hiện hành vi phạm tội và đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo là người không có tiền án, tiền sự nhưng thực hiện hành vi phạm tội về ma túy trong khi loại tội phạm này vẫn có chiều hướng gia tăng. Do vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người tàng trữ trái phép ma túy số lượng không lớn và mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với vật chứng cơ quan giám định hoàn lại, xét thấy Methamphetamine là chất Nhà nước cấm lưu hành, vỏ bao gói không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về các vấn đề khác:

Hành vi cho đi T đi nhờ xe của đối tượng tên H nhưng không xác định được H là ai nên không có căn cứ để xem xét.

Hành vi bán ma túy cho Phạm Đình T của đối tượng nam giới không xác định được nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm của người này là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c Khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Đình T **16 (mười sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/4/2021.

3. Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu cho tiêu hủy 0,201 gam Methamphetamine và một vỏ túi nilon màu trắng do cơ quan giám định hoàn trả đựng trong phong bì niêm phong số 212/KLGD-PC09.

(Vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2021 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Đình T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Đình T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP H;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh H;
- Cơ quan CSĐT công an TP H;
- Cơ quan THAHS công an T. H;
- Cơ quan THAHS công an TP. H
- Trại tạm giam – Công an tỉnh H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền